TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2025
"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lò Văn Chiên, ông Tống Văn Chiên
- *Thư ký phiên tòa*: ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên toà:* bà Đặng Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phồng Sía D, sinh năm: 1989 – *Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*
Địa chỉ: bản H, xã S, tỉnh Lai Châu.
2. Bị đơn: anh Tẩn Yêu S, sinh năm 1986 - *vắng mặt lần 2.*
Địa chỉ: bản H, xã S, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phồng Sía D trình bày:

Về hôn nhân: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn có đăng ký kết hôn số 32 ngày 03/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó anh T Yêu Sơn nghiện ma túy, chúng tôi sống ly thân do thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày. Hiện không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tẩn Yêu S;

Về con chung: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn có ba con chung là cháu: Tẩn A S2, sinh ngày 16/01/2007, cháu Tẩn Sía H, sinh ngày 21/9/2009 và cháu Tẩn A S1, sinh ngày 09/9/2017. Cháu Tẩn A S2 đã thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên chị không có đề nghị gì. Khi ly hôn chị P Sía Dao có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu Tẩn Sía H và cháu T A S1 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phồng S3 Dao

không yêu cầu anh Tẩn Yêu S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Vợ, chồng chị P Sía Dao, anh Tẩn Yêu S tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Phồng Sía D đề nghị được miễn tiền án phí dân sự do chị là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn.

2. Bị đơn anh Tẩn Yêu S: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của chị Phồng Sía D (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh T Yêu Sơn nhưng anh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh Tẩn Yêu S và chị Phồng S3 Dao tại địa phương, tuy nhiên anh Tẩn Yêu S đều không có mặt tại Tòa án và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, anh Tẩn Yêu S đã vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn anh Tẩn Yêu S vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện VKSND khu vực 3 - Lai Châu.

Về thủ tục Tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Phồng Sía D đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; anh Tẩn Yêu S chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn thì thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phồng Sía D, tuyên xử cho chị P Sía Dao được ly hôn với anh Tẩn Yêu S.

Về con chung: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn có ba con chung là cháu: Tẩn A S2, sinh ngày 16/01/2007, cháu Tẩn Sía H, sinh ngày 21/9/2009 và cháu Tẩn A S1, sinh ngày 09/9/2017. Cháu Tẩn A S2 đã thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân nên không đề nghị gì. Xét nguyện vọng của chị Phồng S3 Giao và các các con chung nên đề nghị giao cho chị P Sía Dao là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu Tẩn Sía H và cháu T A S1 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phồng S3 Dao không yêu cầu anh Tẩn Yêu S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phồng S3 Dao không yêu cầu anh T Yêu Sơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung,

nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm về giải quyết ly hôn cho chị Phồng Sía D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Phồng S3 Dao nộp đơn khởi kiện về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đối với anh Tẩn Yêu S; chị Phồng S3 Dao có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Phồng Sía D là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án nhân dân khu vực 3 đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phồng Sía D, theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn, nuôi con chung, giữa chị Phồng Sía D và anh Tẩn Yêu S là bị đơn đều cư trú tại bản H, xã S, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Bị đơn anh Tẩn Yêu S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Phồng S3 Dao vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn kết hôn hợp pháp, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã S, Công an xã S đối với chị Phồng Sía D, anh Tẩn Yêu S đều xác nhận: chị Phồng Sía D và anh T Yêu Sơn có mâu thuẫn và đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, anh Tẩn Yêu S hiện nay không ở cùng chị P Sía Dao, anh Tẩn Yêu S đi làm và thỉnh thoảng về nhà, hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị P Sía Dao giải quyết cho chị Phồng S3 Dao ly hôn với anh Tẩn Yêu S.

Về con chung: chị Phồng Sía D và anh Tẩn Yêu S có ba con chung. Xét nguyện vọng của nguyên đơn chị Phồng Sía D, một cháu lớn đã trưởng thành tự nuôi sống được bản thân, hai con chung dưới 18 tuổi có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên giao cháu cháu Tẩn Sía H, sinh ngày 21/9/2009 và cháu Tẩn A S1, sinh ngày 09/9/2017 cho

mẹ là chị Phồng S3 Dao là ngược trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh Tẩn Yêu S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh Tẩn Yêu S, chị Phồng S3 Dao không ai có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKSND khu vực 3 – Lai Châu tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: chị Phồng S3 Dao là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản H, xã S, tỉnh Lai Châu là xã đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên chị Phồng S3 Dao được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2025/ NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phồng Sía D. Về quan hệ hôn nhân chị Phồng Sía D được ly hôn với anh Tẩn Yêu S.

2. Về con chung: giao hai cháu Tẩn Sía H, sinh ngày 21/9/2009 và cháu Tẩn A S1, sinh ngày 09/9/2017 cho chị Phồng S3 Dao là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tẩn Yêu S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Phồng S3 Dao không yêu cầu anh T Yêu Sơn phải cấp cấp dưỡng nuôi con chung.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị P Sía Dao, anh Tẩn Yêu S không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Phồng Sía D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thâm nhân dân **Thâm phán - Chủ tọa phiên tòa**